

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên  
đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư 44/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 97/TTr-SoXD ngày 18 tháng 9 năm 2025,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công tác: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Địa điểm: Tỉnh Đồng Nai.

3. Đơn vị phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

4. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai.

5. Tổ chức tư vấn:

- Nhà thầu tư vấn lập dự toán: Công ty Cổ phần Long Bình Mê Kông.
- Nhà thầu tư vấn thẩm tra dự toán: Công ty TNHH Giao thông và Xây dựng Tiên Lượng.

6. Loại công trình: Công trình giao thông.

7. Mục tiêu công tác: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Quy mô và giải pháp kỹ thuật: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ 25 tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm:

- Về công tác quản lý gồm các hạng mục công việc như tuần đường, đếm xe, kiểm tra định kỳ và khẩn cấp, trực bảo lũ, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bảo lũ, quản lý hành lang, kiểm tra cầu.

- Về công tác bảo dưỡng thường xuyên gồm các hạng mục công việc như đắp phụ nền, lè đường, bạt lè đường, thông cống và thanh thải dòng chảy, sơn biển báo, vá ổ gà, lún cục bộ, bong tróc mặt đường, vệ sinh mố, trụ cầu, sửa chữa và sơn lan can, vệ sinh mặt cầu và ống thoát nước.

## - Danh mục các tuyến đường:

STT	Tên tuyến đường	Cấp đường	Chiều dài (km)	Ghi chú
1	ĐT.761	IV	37,266	4 cầu
2	ĐT.762	IV	20,500	
3	ĐT.763	IV	29,429	4 cầu
4	ĐT.764	III, IV	18,860	1 cầu
5	ĐT.765	III, IV	28,298	9 cầu
6	ĐT.765B (Đường Xuân Định - Lâm Sơn)	IV	27,000	3 cầu
7	ĐT.766	III	12,805	2 cầu
8	ĐT.767	III, IV	24,120	8 cầu
9	ĐT.768	IV	38,115	8 cầu
10	ĐT.769	III, IV	33,212	6 cầu
11	ĐT.769B	III	28,657	5 cầu
12	ĐT.769C (Đường 25B).	I, III, IV	14,972	2 cầu
13	ĐT.770 (Suối Tre - Bình Lộc)	IV	11,300	3 cầu
14	ĐT.771 (Đường 319)	I	7,040	
15	ĐT. 772 (Đường Liên huyện Xuân Lộc - Long Khánh)	IV	16,695	5 cầu
16	ĐT. 773 (Đường Hương Lộ 10)	I, III, V	25,167	3 cầu
17	ĐT.774 (Đường 30.4)	V	4,700	
18	ĐT.774B (Đường Tà Lài - Trà Cỏ)	IV, V	56,200	5 cầu
19	ĐT.775 (Đường Cao Càng)	IV	13,23	
20	ĐT.776 (Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn)	V	18,450	6 cầu
21	ĐT. 777 (Đường chất thải rắn)	IV	20,100	2 cầu

STT	Tên tuyến đường	Cấp đường	Chiều dài (km)	Ghi chú
22	ĐT.778 (Đường Bắc Sơn - Long Thành)	IV	4,503	
23	ĐT.779 (Đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	IV, V	11,164	2 cầu
24	Tuyến đường 322B	IV	2,600	
25	Tuyến đường 767B (Tuyến đường Hoàng Văn Bôn)	IV	6,401	1 cầu

9. Giá trị dự toán (làm tròn): **65.184.969.000 đồng** (Sáu mươi lăm tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Trong đó:

- a) Chi phí quản lý, bảo dưỡng xuyên đường bộ: 61.372.222.761 đồng.
- b) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.714.187.711 đồng.
- c) Chi phí khác: 189.032.719 đồng.
- d) Chi phí dự phòng: 1.909.526.325 đồng.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện: Năm 2025 đến năm 2027.

11. Nguồn vốn: Sự nghiệp giao thông.

12. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (Nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Nếu có): Không.

14. Các nội dung khác:

Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Tổ chức kiểm tra, rà soát lại khối lượng, dự toán để làm cơ sở thẩm định, phê duyệt dự toán và phê duyệt giá gói thầu; xác định đơn giá theo quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư để xác định giá gói thầu trước khi lựa chọn nhà thầu, đảm bảo hiệu quả kinh tế;

- Chủ đầu tư lưu ý rà soát thực hiện phù hợp các quy định về chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Tài chính;
- Lưu: VT, KTN, KTNS (Dg)



**Võ Tấn Đức**





**PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ</b>	<b>61.372.222.761</b>
1	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT 761; ĐT.766; ĐT.767; ĐT.768; ĐT.769B; ĐT.769C (Đường 25B); ĐT.771 (Tuyến đường 319); ĐT.772 (Đường Liên huyện Xuân Lộc - Long Khánh); ĐT. 773 (Đường Hương Lộ 10); ĐT. 777(Đường Chát Thái Rắn); ĐT.778 (Đường Bắc Sơn - Long Thành); 767B (Tuyến đường Hoàng Văn Bôn).	32.535.956.500
2	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.762; ĐT.763; ĐT.769; ĐT.770 (Suối Tre - Bình Lộc); ĐT.775 (đường Cao Cang); ĐT.776 (đường Xuân Bắc - Thanh Sơn).	11.628.269.297
3	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.764; ĐT.765; ĐT.765B (đường Xuân Định - Lâm San); 30.4 (ĐT.774); ĐT.774B (đường Tà Lài - Trà Cỏ); ĐT.779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông).	17.207.996.964
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>1.714.187.711</b>
1	Chi phí lập dự toán	78.532.957
2	Chi phí thẩm tra dự toán	63.043.668
3	Chi phí giám sát thi công	1.392.138.327
4	Chi phí lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT các gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ	87.561.051

5	Chi phí thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ	73.148.399
6	Chi phí lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT gói thầu giám sát	10.891.109
7	Chi phí thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu giám sát	8.872.200
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>189.032.719</b>
1	Phí thẩm định dự toán	18.777.821
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	170.254.898
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>1.909.526.325</b>
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng	1.909.526.325
	<b>TỔNG DỰ TOÁN</b>	<b>65.184.969.516</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>	<b>65.184.969.000</b>